

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN BIỂN, ĐẢO NĂM 2019

(Dùng cho Báo cáo viên)

PHẦN 1

KHÁI QUÁT BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

1.1 Biển Đông

Biển Đông nằm ở phía tây của Thái Bình Dương, là một phần biển tương đối kín được bao quanh tới 90% bởi 9 quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc, Philipin, Indonesia, Brunây, Malaysia, Singapor, Thái Lan, Campuchia, trong đó phần bờ biển dài nhất là của Việt Nam (3.260km). Chỉ có 10% chu vi của biển này thông thương được ra các biển Thái Bình Dương và Ấn độ Dương. Diện tích Biển Đông khoảng 3.440.000km².

Tên quốc tế của Biển Đông là “South China Sea” được đặt theo nguyên tắc quốc tế, dựa vào vị trí địa lý tương đối gần nhất của một lục địa tiếp giáp lớn nhất.

Nước ta giáp với Biển Đông ở hai phía Đông và Nam, vùng biển Việt Nam là một phần Biển Đông. Nhân dân Việt Nam vẫn gọi Biển Đông theo tên truyền thống, gắn liền với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và đấu tranh giữ nước, với nhiều huyền thoại và văn hóa dân tộc.

Việt Nam có bờ biển dài 3.260km, từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, trung bình 100 km² đất liền thì có 1 km bờ biển, là nước có tỷ lệ chiều dài bờ biển so với đất liền vào loại cao nhất thế giới (trung bình của thế giới là 600km² đất liền/1km bờ biển). Và Việt Nam chiếm tới 35% chu vi Biển Đông.

Nước ta có 28/63 tỉnh thành tiếp giáp với biển, có vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa với diện tích trên 1 triệu km² gấp 3 diện tích đất liền (330.000km²)

Vùng biển và hải đảo nước ta có vị trí chiến lược hết sức to lớn, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, có liên quan trực tiếp đến sự phồn vinh của đất nước, đến văn minh và hạnh phúc của nhân dân.

1.2. Hải đảo

Theo thống kê vùng biển nước ta có trên 4.000 hòn đảo lớn nhỏ, hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển, ven bờ có khoảng 3000 hòn đảo lớn nhỏ các loại, chủ yếu nằm ở Vịnh Bắc Bộ, với diện tích khoảng 1.700km², trong đó có 3 đảo có diện tích lớn hơn 100km², 23 đảo có diện tích lớn hơn 10km², 82 đảo có diện tích lớn hơn 1km² và khoảng trên 1.400 đảo chưa có tên và được phân bố như sau:

+ Vùng Biển Đông Bắc có trên 3.000 đảo, Vịnh Hạ Long có 2.321 đảo.

+ Bắc Trung Bộ trên 40 đảo.

+ Còn lại ở vùng biển Nam Trung Bộ, vùng biển Tây Nam và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Căn cứ vào vị trí chiến lược và các điều kiện địa lý kinh tế, dân cư, thường người ta chia các đảo, quần đảo thành các nhóm:

+ Hệ thống đảo tiền tiêu có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời nước ta, kiểm tra hoạt động của tàu, thuyền, bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta. Đó là các đảo, quần đảo như: Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Tô, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu...

+ Các đảo lớn có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội là : Côn Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc.

+ Các đảo ven bờ gần có điều kiện phát triển nghề cá, du lịch và cũng là căn cứ để bảo vệ an ninh trên vùng biển và bờ biển nước ta. Đó là các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), huyện đảo Côn Sơn (Bà Rịa Vũng Tàu), huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang).

Khái quát về một số đảo lớn ven bờ của nước ta

Đảo lớn nhất là Phú Quốc: là đảo có núi cao 603m nằm trong vịnh Thái Lan rộng 568km², gần tương đương với cả quốc gia Singapore (622.6km²), có dân số trên 50.000 người, có đầy đủ điều kiện để phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ.

Quần đảo Hạ Long có rất nhiều hòn đảo to nhỏ đủ cỡ, nổi tiếng là một kỳ quan thế giới vì vẻ đẹp thiên nhiên.

Đảo Bạch Long Vĩ: nằm gần trung tâm vịnh Bắc Bộ, cách đất liền khoảng 110km, cách đảo Hải Nam (TQ) khoảng 130km, diện tích 250ha.

1.3. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo san hô nằm giữa Biển Đông.

1.3.1. Quần đảo Hoàng Sa

Về tên gọi: Người Việt thường quen miệng gọi quần đảo Hoàng Sa, nhưng quần đảo này từ xưa đã mang tên Việt Nam là Bãi Cát Vàng hay Cồn Vàng. Đến năm 1776 tên gọi Hoàng Sa được nói đến trong quyển Phủ Biên Tạp Lục cho đến ngày nay.

Quần đảo được chia làm hai nhóm chính:

- + Nhóm Lưỡi Liềm (hay còn gọi là Trăng Khuyết) phía Tây Nam
- + Nhóm An Vĩnh phía Đông Bắc

1.3.1.1. Nhóm lưỡi liềm

Nhóm Lưỡi Liềm hay Trăng Khuyết hay Nguyệt Thiềm (tên quốc tế Croissant hay Crescent) là tên một nhóm đảo nằm về phía đất liền Việt Nam, có 7 đảo chính, các bãi ngầm và vô số mỏm đá.

Ngoài ra nhóm đảo *Lưỡi Liềm* còn có 4 đảo nhỏ như đảo Ba Ba , đảo Xà Cù, và các bãi đá như Hải Sâm, Đá Lồi, Đá Chim Yến, Đá Bạch Quy

1.3.1.2 Nhóm An Vĩnh (Amphitrite Group) hay Tuyên Đức

1.3.2 Quần đảo Trường Sa

Về tên gọi: Trước đây bãi cát vàng là dùng để chỉ chung cho hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đến năm 1776, trong Phủ Biên Tạp lục của Lê Quý Đôn có tên gọi Đại Trường Sa. Trong Đại Nam Nhất Thống Toàn đồ (đời Minh Mạng 1820 – 1841) có ghi rõ là Vạn lý Trường Sa và tên Trường Sa được người Việt Nam sử dụng cho đến ngày nay.

Theo các học giả thông thạo luật biển của nước ngoài, Trường Sa gồm 33 đơn vị thường trực nổi trên mặt biển.

Tổ chức hành chính: Huyện Trường Sa được thành lập theo Quyết định số 193-HĐBT ngày 9/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam.

Quần đảo Trường Sa được chia thành tám cụm đảo

1.3.2.1 Cụm Song Tử: gồm 2 đảo, đá, 2 bãi

1.3.2.2 Cụm đảo Thị Tứ: gồm đảo Thị Tứ và các bãi đá:

- Phía Bắc Đảo Thị Tứ gồm Đá Hoài An (Xandi), đá Tri Lễ (Sandy Cay), đá Vĩnh Hảo, đá Cái Vung.

- Phía Nam đảo Thị Tứ là đá Xu Bi (Subi Reef, Zhu Bi Jiao, Zamora Reef (Phi), , cách đảo Thị Tứ khoảng 14 hải lý.

1.3.2.3 Cụm Loại Ta: gồm đảo Loại Ta các đá và cồn.

1.3.2.4 Cụm Nam Yết : Phía Tây Nam cụm Nam Yết có Đảo đá Chữ Thập, bị quân Trung Quốc chiếm đóng, biến nơi đây thành cơ sở quân sự.

1.3.2.5 Cụm Sinh Tồn

1.3.2.6. Cụm đảo Trường Sa : Gồm có 3 đảo, các đá, bãi: Đá Lát, Đảo Trường Sa, Bãi Đá Tây, Đá Đông, Đá Châu Viên, Đá Tốc Tan, Đá Núi Le, Đá Tiên Nữ.

1.3.2.7 Cụm đảo An Bang

1. 3.2.8 Cụm đảo Bình Nguyên : Gồm đảo Bình Nguyên, và đảo Vĩnh Viễn, nhiều bãi đá, bãi cạn.

PHẦN II

VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC

VÀ TIỀM NĂNG KINH TẾ CỦA BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

2.1. Vị trí chiến lược

2.1.1 Biển Đông

Biển Đông là hành lang chiến lược nhộn nhịp của thế giới. Là vùng biển nhộn nhịp thứ hai trên thế giới (sau Địa Trung Hải) chiếm khoảng ¼ lưu lượng tàu hoạt

động trên các vùng biển toàn cầu, $\frac{3}{4}$ lưu lượng hàng hóa chuyên bằng đường biển đi qua biển đông, là tuyến hàng hải huyết mạch mang tính chiến lược rất quan trọng của nhiều nước trên thế giới và khu vực. Trong tổng số 10 tuyến đường biển lớn nhất trên thế giới hiện nay, có 5 tuyến đường đi qua Biển Đông hoặc có liên quan đến Biển Đông.

Ngay trong thời kỳ bị giặc Tàu đô hộ, người Việt vẫn tiếp tục nắm giữ độc quyền đường biển vùng Hoa Nam và Biển Đông như đã từng nắm giữ từ hàng ngàn năm trước đó.

Đường hàng hải quốc tế Biển Đông nằm kẹt giữa hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam..

Biển Đông là một trong những vùng có mật độ hàng hải đông đúc nhất trên thế giới, hơn một nửa tàu chở dầu siêu cấp của thế giới chạy qua. Lượng tàu chở dầu chạy qua Biển Đông lớn gấp ba lần lượng chạy qua Kênh Suez và năm lần Kênh Panama; hai mươi phần trăm dầu thô thế giới được chuyên chở qua Biển Đông.

Trung Quốc cho rằng quá nửa số tàu chở dầu cỡ lớn trên thế giới đều đi qua Biển Đông, lượng tàu chở dầu đi qua Biển Đông nhiều gấp 5 lần so với đi qua kênh đào Suez, 15 lần so với đi qua kênh đào Panama, 90% dầu mỏ nhập khẩu của Nhật Bản và Hàn Quốc, 98% dầu mỏ nhập khẩu của Đài Loan, 88% dầu mỏ nhập khẩu của Trung Quốc phải đi qua Biển Đông. Trung Quốc coi các quần đảo ở Biển Đông có vị trí xung yếu trên tuyến đường từ Thái Bình Dương đi Ấn Độ Dương và có ảnh hưởng lớn đối với eo biển Malacca.

2.1.2 Vùng biển, vùng ven biển và hải đảo Việt Nam

2.1.2.1 Vùng biển và ven biển

Vùng biển Việt Nam (Biển Đông) nằm án ngữ trên các tuyến hàng hải và hàng không huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Biển và vùng ven biển là cửa mở lớn, là “mặt tiền” quan trọng là cửa ngõ chính của đất nước để giao lưu với các nước bạn xa gần.

2.1.2.2 Các đảo

Các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời nước ta, kiểm tra hoạt động của tàu, thuyền, bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng kinh tế, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước ta.

Các đảo gần bờ

Đảo gần bờ, được xem như những “hàng không mẫu hạm không chìm”.

+ Làm căn cứ phía trước cho nền quốc phòng, an ninh và kinh tế biển, ven biển như:

+ Làm điểm tựa cho việc triển khai lực lượng tấn công và phòng ngự hướng biển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai lực lượng lớn trong đất liền để tiến hành các chiến dịch phòng ngự và tấn công quy mô lớn nhằm đè bẹp đối phương, đập tan ý chí xâm lược của chúng.

+ Là cơ sở then chốt trong việc xây dựng và phát triển lực lượng quân sự địa phương, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và tiến hành chiến tranh nhân dân hướng biển.

Các đảo xa bờ

Tạo điều kiện thực tế để mở rộng phạm vi lãnh hải, vùng chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên vùng tây bắc Biển Đông.

Không chế tuyến hàng hải.

Làm căn cứ, tiền đồn bảo vệ đất nước

Canh giữ tài nguyên tiềm ẩn và hiện hữu trên biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam.

Vị trí chiến lược của thềm lục địa Đông nam (DK1) cũng không kém phần quan trọng về kinh tế, an ninh quốc phòng trên biển, canh giữ tài nguyên

2.2. Tiềm năng về kinh tế

2.2.1 Cảng và vận tải biển

Nước ta có trên 3.260 km bờ biển và có nhiều vị trí có thể xây dựng hệ thống cảng biển và vận tải biển.

2.2.2 Tiềm năng khai thác hải sản

Biển Việt Nam có trên 11.000 loài sinh vật cư trú, 6000 loài động vật đáy, 653 loài rong biển, 675 loài động vật phù du, 225 loài tôm biển, 2.000 loài cá, trong đó khoảng 130 loài cá có giá trị kinh tế. Theo những đánh giá mới nhất có trữ lượng là 4.2 triệu tấn, trong đó sản lượng cho phép khai thác là 1,7 triệu tấn/năm, bao gồm 850 nghìn cá đáy, 700 nghìn tấn cá nổi nhỏ, 120 nghìn tấn cá nổi đại dương. Sau cá có tôm, mực, cua được coi là có giá trị kinh tế cao.

Trên Đảo có nhiều sản phẩm quý : Yến, bào ngư, vi cá, hải sâm, ngọc trai, gỗ quý, cá tôm, đồi mồi, sò huyết, ốc quý, đặc biệt là phát phát ở các hải đảo.

2.2.3 Tiềm năng về tài nguyên khoáng sản

2.2.3.1 Về dầu khí

Trữ lượng dầu hoả ước tính khoảng từ 1.5 đến 3 tỷ thùng. Về khí đốt, trữ lượng của Việt Nam có thể nhiều tới 10,000 tỷ cubic feet (tương đương 280,316 ngàn tỷ lít), chủ yếu là khí trên 50%, tập trung chủ yếu ở thềm lục địa trên 90%.

2.2.3.2 Các loại khoáng sản khác

Trong vùng biển Việt Nam đã biết khoảng 35 loại hình khoáng sản, thuộc các nhóm: nhiên liệu, kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý và khoáng sản lỏng. Đặc biệt trên Biển Đông có phát hiện Băng cháy (một loại Hydrat metan), một loại nhiên liệu mới được đánh giá có trữ lượng lớn ở Biển Đông.

PHẦN III

CHỦ QUYỀN VÀ QUYỀN CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC QUẦN ĐẢO

3.1. Chủ quyền và quyền chủ quyền trên Biển Đông của Việt Nam theo UNCLOS

3.1.1. Về đường cơ sở

Do địa hình gần bờ Việt Nam có một chuỗi đảo chạy dọc từ miền Trung đến Vịnh Thái Lan cho nên căn cứ vào UNCLOS ngày 12/11/ 1982, Việt Nam công bố xác định đường cơ sở thẳng ven bờ lục địa Việt Nam gồm 10 đoạn nối 11 điểm.

Bắt đầu từ điểm 0 nằm trên ranh giới phía Tây Nam của vùng nước lịch sử Việt Nam – Campuchia

Điểm A1 – Hòn Nhạn (Kiên Giang)

Điểm A2 – Hòn Đá Lẻ (Cà Mau)

Điểm A3 – Hòn Tài Lớn; Điểm A4 – Hòn Bông Lang; Điểm A5 Hòn Bảy Cạnh (Bà Rịa Vũng Tàu)

Điểm A6 – Hòn Hải; Điểm A7 – Hòn Đồi (Bình Thuận)

Điểm A8 – Mũi Đại Lãnh; Điểm A9 Hòn Ông (Khánh Hòa)

Điểm A10 – Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)

Điểm A11 – Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)

3.1.2. Nội thủy

Các vùng nước ở phía bên trong đường cơ sở của lãnh hải thuộc nội thủy của Quốc gia.

Nội thủy của Việt Nam bao gồm

+ Vùng biển nằm trong đường cơ sở ven bờ lục địa: Việt Nam có 3,260km bờ biển từ Móng Cái đến Hà Tiên, có đường cơ sở thẳng nối liền giữa các đảo gần bờ cho phép ta sở hữu diện tích vùng nội thủy rộng 226,000km² tính từ đường cơ sở trở vào.

+ Vùng biển nằm ở phía trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của các đảo và quần đảo của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

+ Các vùng nước lịch sử: phần Vịnh thuộc phía Việt Nam ở trong Vịnh Bắc Bộ và vùng nước thuộc phần của Việt Nam trong vùng nước lịch sử chung của hai nước Việt Nam và Campuchia.

3.1.3 Lãnh hải

Có chiều rộng không vượt quá 12 hải lý kể từ đường cơ sở.

Tàu thuyền của tất cả các quốc gia, có biển hay không có biển, đều được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải.

3.1.4 Vùng tiếp giáp lãnh hải

Vùng tiếp giáp với lãnh hải không thể mở rộng quá 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng của lãnh hải, tức không quá 12 hải lý tính từ lãnh hải.

3.1.5 Vùng đặc quyền kinh tế

Vùng đặc quyền về kinh tế là một vùng nằm ở phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải và vùng đặc quyền về kinh tế không được mở rộng ra quá 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.

Điều 56 của UNCLOS quy định trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có:

a) Các quyền thuộc chủ quyền về việc thăm dò khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật, của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này.

b) Quyền tài phán theo đúng những quy định thích hợp của Công ước về việc:

- Lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình;
- Nghiên cứu khoa học về biển;
- Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;

c) Các quyền và các nghĩa vụ khác do Công ước quy định.

3.1.6 Thềm lục địa

Theo điều 76 của UNCLOS quy định Thềm Lục địa giới hạn bởi một trong hai đường sau:

- Đường giới hạn 350 hải lý cách Đường Cơ Sở
- Đường giới hạn 100 hải lý ngoài Đường Đẳng Sâu 2500 m.

3.1.7 Thềm lục địa mở rộng của Việt Nam

Biển Việt Nam là sự nối tiếp địa hình đất liền chạy dài ra biển, nhờ địa hình đáy biển phía Đông Nam VN thoải thoải, Việt Nam có thể được đặc quyền tuyên bố chiều rộng thềm lục địa và hải phận kinh tế cho tới 350 hải lý

Không giống như trường hợp bờ biển bao quanh Philippin và bờ biển bao quanh phía Nam của Indonesia, bờ biển Việt Nam thoải thoải trải dài ra biển không có sự ngăn cách của các rãnh biển sâu (trench, trough) gần bờ nên sự mở rộng hải phận hợp lý hơn các nước khác.

Đường rãnh “thâm thủy” chỗ sâu nhất của đáy Biển Đông trong khi nằm rất xa bờ biển Việt Nam, lại nằm thật gần với các nước Trung Hoa, Philippin, Malaysia, Indonesia.

3.2. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng sa, Trường Sa

3.2.1 Việc xác lập chủ quyền ở các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Người Việt đã hải hành ngang dọc Biển Đông từ những thiên kỷ trước công nguyên. Trống đồng Đông Sơn cùng các sản phẩm khác của người Việt được phân

phối đi nhiều nơi ở Đông Nam Á bằng đường biển. Vùng Biển Đông trong đó có cả Hoàng Sa và Trường Sa không xa lạ gì với người Việt. Biển này ví như cái sân trước của căn nhà Việt Nam, các đảo thân yêu như cây cối trong vườn.

3.2.1.1. Từ thế kỷ XV – đến thế kỷ XVIII

Từ rất lâu người Việt Nam đã phát hiện ra hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII đã có ý thức trong việc xác lập chủ quyền bằng việc tổ chức nhiều hoạt động khai thác tài nguyên, thực thi chủ quyền trên các quần đảo này một cách hiệu quả, liên tục cho đến khi Trung Quốc dùng vũ lực đến xâm chiếm.

Sách sử Việt Nam ghi chép về Hoàng Sa từ thế kỷ XVII với chi tiết địa lý rõ ràng như :

Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư năm 1686 (Hay Toàn tập An Nam Lộ) của Đỗ Bá tự Công Đạo

Trong Giáp Ngọ Bình Nam Đồ.

Trong “Phủ biên Tạp lục” của Lê quý Đôn (năm 1776)

Phủ Biên Tạp Lục cũng chép rất rõ những công tác thi hành chủ quyền Việt Nam trên Hoàng Sa và Trường Sa của Chúa Nguyễn (Đại Việt) bằng hoạt động của đội Hoàng Sa phụ trách những đảo Cát Vàng và đội Bắc Hải phụ trách Trường Sa, Phú Quốc.

Hiện còn khá nhiều tài liệu về các hoạt động của đội Hoàng Sa còn lưu trữ trong dân gian ở phường An Vĩnh, đảo Lý Sơn (tức Cù Lao Ré), tỉnh Quảng Ngãi

Sang thời kỳ triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1909, có rất nhiều tài liệu chính sử minh chứng chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

- Dư Địa Chí trong bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú (1821) và sách Hoàng Việt Địa Dư chí (1833).

- Đại Nam Thực Lục phần tiền biên

Trong Đại Nam Thực Lục Chính biên

Năm 1836, vua Minh Mạng lại sai Thủy quân Xuất đội Phạm Hữu Nhật nghiên cứu thêm chi tiết địa hình, hải đạo Hoàng Sa, đồng thời đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc, chủ quyền. Từ năm 1843 đến 1851 lập miếu, dựng bia, trồng cây ở Hoàng Sa và khảo sát, đo vẽ bản đồ toàn bộ khu vực.

- Trong bộ sách Đại Nam Nhất Thống Chí (1882 soạn xong, năm 1910 soạn lại lần hai và khắc in).

- Tài liệu rất quý giá là châu bản triều Nguyễn (thế kỷ XIX), có các ghi chép về việc vãng thám, đo đạc, vẽ họa đồ Hoàng Sa, cắm cột mốc, các công việc của các đoàn công vụ ra Hoàng Sa

Ngoài ra các bản đồ cổ của Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX đều vẽ Bãi Cát Vàng hay Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa trong cương vực của Việt Nam.

Việc xác lập chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, và Trường Sa là của Nhà nước Việt Nam từ xưa chứ không phải của dân.

Các sự kiện nổi bật cụ thể:

Năm 1835, Vua Minh Mạng phái một đoàn thám hiểm tới Hoàng Sa để đánh dấu chủ quyền.

Năm 1836, Vua Minh Mạng ra chiếu chỉ lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa tới các đảo Hoàng Sa để ghi lại lộ trình.

Năm 1867, Năm Tự Đức thứ 20, nhà vua tôn vinh các thủy binh đã tử vong trong quá trình ra các đảo.

3.2.1.2 Những tư liệu của Trung Quốc và phương Tây minh chứng chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Trong các bản đồ của Trung Quốc

- Các bản đồ cổ Trung Quốc do chính người Trung Quốc vẽ từ năm 1909 trở về trước đều minh chứng Hoàng Sa (TQ gọi là Tây Sa) và Trường Sa (Trung Quốc gọi Nam Sa) không thuộc về Trung Quốc.

Khảo sát tất cả bản đồ cổ của Trung Quốc từ năm 1909 trở về trước, người ta thấy tất cả bản đồ cổ nước Trung Quốc do người Trung Quốc vẽ không có bản đồ nào có ghi các quần đảo Tây Sa, Nam Sa. Tất cả bản đồ cổ ấy đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của biên giới phía nam của Trung Quốc.

Theo các tài liệu mà các nhà nghiên cứu thu thập được, hiện còn 3 tập bản đồ thể hiện khá rõ chủ quyền lãnh hải và đất liền của Việt Nam, gồm: Bản đồ Giao Chỉ Quốc – Giao Chỉ Dương; Bản đồ diện cách Việt Nam Đông Đô – Việt Nam Tây Đô với Đông Dương Đại Hải của Ngụy Nguyên (khoảng năm 1842) và Bản đồ An Nam Quốc với Đông Nam Hải.

Đời nhà Thanh, từ thế kỷ thứ XVII đến XX, theo bản đồ Hoàng Thanh Nhất Thống Dư Địa Bản Đồ năm 1894 thì đến cuối thế kỷ XIX "lãnh thổ của Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam là hết".

Cuốn Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thư xuất bản năm 1906 xác định "Điểm cực nam của Trung Quốc là bờ biển Châu Nhai thuộc quận Quỳnh Châu (Hải Nam) tại vĩ tuyến 18". Trong khi quần đảo Hoàng Sa tọa lạc về phía nam, từ vĩ tuyến 17 đến vĩ tuyến 15 (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi) và quần đảo Trường Sa tọa lạc tại các vĩ tuyến 12 đến vĩ tuyến 8 (Cam Ranh – Cà Mau). Bản đồ Đại Thanh Đế Quốc do triều đình nhà Thanh

Ngụy Nguyên ghi vẽ lại bản đồ diện cách Việt Nam

Trên bản đồ An Nam Quốc, Ngụy Nguyên

Trong các tài liệu cổ của Trung Quốc

- **Hải Ngoại Kỷ sự** của Thích Đại Sán (người Trung Quốc) năm 1696. khẳng định Chúa Nguyễn đã sai thuyền ra khai thác các sản vật từ các tàu đắm trên quần đảo Vạn Lý Trường Sa ít nhất là từ thế kỷ thứ XVII.

"Lịch sử Trung Quốc thời trung cổ" (Chính sử Trung Hoa) do Hàn Lâm Viện Trung Quốc xuất bản tại Đài Bắc

Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát

Đường Thư Nghệ Văn Chí đời Nhà Đường.

Lĩnh Ngoại Đại Đáp của Châu Khứ Phi

Nhiều tài liệu chính sử nhà Minh cho biết, từ thế kỷ XV, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nguyên là địa bàn ngư nghiệp của Chiêm Thành đã trở thành lãnh thổ của Đại Việt.

Bộ Hải Quốc Đồ Ký, cuốn Hải Lục của Vương Bình Nam (1820-1842)

Bộ sách địa lý Đại Thanh Nhất Thống Chí do Quốc Sử Quán nhà Thanh biên soạn.

Các tài liệu cổ của Trung Hoa cho thấy hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa) đã được người Việt Nam phát hiện, sử dụng trong nhiều thế kỷ một cách hoà bình và liên tục không có sự phản đối của bất cứ quốc gia nào kể cả của Trung Quốc.

Trên các bản đồ phương Tây

Trên hai bản đồ từ thế kỷ XV - XVII, gồm An Nam Quốc (Hồng Đức 1490) và Vương quốc An Nam (Alexandre de Rhodes, 1650) cũng biểu hiện khá rõ thêm lục địa, Biển Đông và hải đảo Việt Nam

Các tài liệu khác của Phương Tây đều ghi rõ đất nước Việt Nam với các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. "Không một bản đồ nào ghi bờ biển Prasel ở Nam Trung Hoa hay Phi Luật Tân, Indonesia hoặc Mã Lai

Với 50 bản đồ mô tả nước Việt Nam với thêm lục địa và Biển Đông ấn hành suốt từ 1525 đến 1886, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa.

Trong các tài liệu của phương Tây :

Tư liệu cổ phương Tây còn lưu lại đến nay cho thấy quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ rất lâu thuộc chủ quyền nước An Nam (tên gọi Việt Nam thời Pháp thuộc).

Bản đồ bán đảo Đông Dương của anh em nhà hàng hải Hà Lan Van-Langren (1595) ghi nhận quần đảo Hoàng Sa trên Biển Đông thuộc quyền quản lý của các chúa Nguyễn xứ Đàng Trong.

Bước sang thế kỷ XVII-XVIII, người phương Tây nhận thức rất rõ chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

An Nam Đại Quốc Họa Đồ của Giám mục Taberd.

Sách địa Lý Vương Quốc Đàng Trong (Geography of the Cochinchinese Empire) là cuốn sách do tiến sĩ Gutzlaff (1801-1851) Hội viên Hội Địa lý Hoàng gia Anh quốc.

Sách Bách Khoa Địa Lý Hiện Đại (Geografia moderna universale) của G.R. Pagnozzi xuất bản năm 1823.

3.2.1.3 Thời Pháp thuộc

Thời kỳ này, chính quyền thuộc địa Pháp thay mặt Việt Nam Triều trong những quan hệ ngoại giao, đồng thời đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Trong khuôn khổ của những cam kết chung, Pháp tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng các hoạt động cụ thể.

3.2.1.4 Thời kỳ 1954 - 1975

Sau khi quân Pháp rút khỏi Đông Dương, theo Hiệp định Genève 1954. Tháng 4/1956 chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) ra tiếp quản và thực thi liên tục chủ quyền lâu đời của Việt Nam theo luật pháp quốc tế đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhưng vào ngày 19-1-1974 Trung Quốc dùng vũ lực xâm chiếm Hoàng Sa.

3.2.1.5 Giai đoạn 1975 đến nay

Kể từ tháng 4-1975, Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản toàn bộ quần đảo Trường Sa và các đảo khác trên Biển Đông cho đến ngày nay.

Ngày 09-12-1982 Hội đồng Bộ trưởng nước CHXHCN Việt Nam ra Nghị định tổ chức quần đảo Hoàng Sa thành huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng và tổ chức quần đảo Trường Sa thành huyện đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Từ ngày 14/3 đến ngày 6/4 năm 1988, Trung Quốc sử dụng vũ lực để chiếm đóng trái phép các đảo: Đá Chũ Thập, Đá Châu Viên, Đá Ga Ven, Đá Tư Nghĩa, Đá Gạc Ma, Đá Subi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 14-8-1989, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập Cụm Kinh tế Khoa học Dịch vụ trên vùng bãi ngầm Tư Chính, Huyện Trân, Quế Đường, Phúc Tần, Phúc Nguyên thuộc thềm lục địa Việt Nam.

Khi đến thăm quần dân huyện đảo Cô Tô (Quảng Ninh) ngày 7-6-2011, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khẳng định: "Chúng ta mong muốn các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc luôn hòa bình, hữu nghị, ổn định nhưng chúng ta cũng quyết tâm làm hết sức mình để bảo vệ vùng biển đảo của đất nước. Biết bao thế hệ đã hy sinh xương máu để có được Tổ quốc như ngày nay. Vì vậy, chúng ta cũng sẵn sàng hiến dâng tất cả để bảo vệ quê hương, bảo vệ chủ quyền biển đảo".

Tiếp đó, trong bài phát biểu quan trọng tại buổi mitting quốc gia “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam 2011” tối 8-6-2011 tại Tp. Nha Trang, Thủ tướng Chính phủ

Nguyễn Tấn Dũng tuyên bố: "Tiếp tục khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa". Đồng thời, khẳng định: "Nhân dân Việt Nam có đủ ý chí quyết tâm và sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để giữ gìn, bảo vệ các vùng biển và hải đảo của mình".

Hiện nay, huyện Trường Sa có 8 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Cam Hoà, Cam Tân, Cam Hải Tây, Cam Hải Đông, Trường Sa Lớn, Nam Yết, Song Tử và thị trấn Cam Đức, trong đó có năm đơn vị xã, thị trấn trên đất liền và ba đơn vị xã đảo.

3.2.2 Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Việt Nam về phương diện vị trí

Quần đảo Hoàng Sa nằm giữa vùng Biển Đông của nước Việt Nam, ngang bờ biển các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam và một phần Quảng Ngãi. Hầu hết các đảo của Quần đảo Trường Sa nằm ngang vĩ độ với Phan Rang – Cà Mau.

Về khoảng cách đất liền, quần đảo Hoàng Sa nằm gần Việt Nam nhất. Sự so sánh như sau:

Khoảng cách từ đảo Tri Tôn tới Lý Sơn hay Cù lao Ré chỉ có 123 hải lý.

Từ đảo Tri Tôn này đến Mũi Ba Làng An tức đất liền lục địa Việt Nam, khoảng cách 135 hải lý.

Trong khi đó, khoảng cách đảo gần nhất tới bờ đảo Hải Nam xa tới 140 hải lý (đảo Hoàng Sa). Khoảng cách từ Hoàng Sa tới đất liền lục địa Trung Hoa còn xa hơn rất nhiều, tối thiểu là 235 hải lý.

3.2.3 Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Việt Nam về phương diện địa hình đáy biển

Về địa hình đáy biển, quần đảo Hoàng Sa nằm sát với thềm lục địa của Việt Nam.

Toàn thể khu vực quần đảo Hoàng Sa nổi cao hơn vùng biển vây quanh nó. Nền đất toàn quần đảo này được nối thẳng vào thềm lục địa Việt Nam như đi qua cái cửa ngõ thông vào vùng Cù lao Ré và bờ biển Quảng Ngãi. Hành lang đó khá nông, chỗ sâu nhất chỉ chừng 500m. Trong khi đó, đáy biển đột ngột lại sụt xuống về phía Trung Hoa, độ sâu lên tới hàng ngàn mét, rồi 2000m, 3000m hay hơn nữa.

Nếu mực nước biển hạ xuống chừng 600 tới 700m thì Hoàng Sa dính vào Việt Nam như một khối đất liền và xa cách hẳn Trung Hoa bằng một vùng biển nước sâu.

3.2.4 Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Việt Nam về phương diện địa chất và sinh học

3.2.4.1 Địa chất : Về những thành tố cấu tạo, hai quần đảo Hoàng Sa cũng như Trường Sa mang đặc tính Việt Nam: Các đảo đều là những ám tiêu san hô tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới của Việt Nam.

3.2.4.2 Thực sinh : Cây cỏ trên đảo đều là cây cỏ nhiệt đới loại cây cỏ đất liền Việt Nam. Nhiều cây lớn được người Việt Nam mang ra trồng từ lâu.

PHẦN IV

SỰ XÂM CHIẾM BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM CỦA TRUNG QUỐC

Thế kỷ thứ 19, các nước Tây phương xem Hoàng Sa và Trường Sa là những chướng ngại hải hành cần tránh hơn là những hải đảo có lợi ích kinh tế và chiến lược. Ngoại trừ năm 1816 vua Gia Long tuyên bố chủ quyền với Hoàng Sa và cho một đội thủy quân ra chiếm giữ Hoàng Sa một cách chính thức.

Tháng 3/1909, Chính quyền Quảng Đông Trung Quốc đã cử một đội khảo sát và tháng 6/1909 đã cử Đô Đốc Lý Chuẩn tới Hoàng Sa.

Năm 1932, Trung Hoa Dân Quốc gửi tới chính phủ Pháp một bản ghi nhớ tranh cãi về chủ quyền của họ đối với Trường Sa, đòi hỏi chủ quyền này dựa trên bản dịch Công ước Pháp – Thanh 1887.

Năm 1940, Nhật đã xây dựng các căn cứ tàu ngầm trên đảo Ba Bình và Trường Sa, và một đường bay trên Ba Bình (thuộc quần đảo Trường Sa).

Đầu năm 1945, Nhật đã rút khỏi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Trung Quốc gửi quân tới đảo và đổ bộ xuống phá bỏ các mốc chủ quyền.

Năm 1946, Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch đã đánh dấu chủ quyền và thành lập sự hiện diện trên đảo Phú Lâm.

Năm 1948, Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc ban bố bản đồ với “Đường Lưỡi Bò” bao gần hết Biển Đông.

15/8/1951, Trung Quốc nêu “Quần đảo Tây Sa và Nam Sa, giống như Đông Sa và Trung Sa, luôn thuộc lãnh thổ Trung Quốc”

Năm 1954, Hiệp Định Geneve được ký kết Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đưa quân ra thay thế quân Pháp trên các đảo thuộc nhóm phía Tây của quần đảo Hoàng Sa và đổ bộ lên đảo chính của quần đảo Trường Sa.

Năm 1956, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa chiếm một số đảo phía Đông quần đảo Hoàng Sa, chính quyền Trung Hoa Dân quốc chiếm đảo Ba Bình của Quần Đảo Trường Sa.

Từ ngày 15-20/1/1974, Trung Quốc dùng không quân và hải quân đánh chiếm nhóm phía Tây của quần đảo Hoàng Sa do Việt Nam Cộng hòa chiếm đóng. Kể từ đó, Trung Quốc chiếm trọn Hoàng Sa.

Ngày 14 tháng 3 năm 1988, Trung Quốc, vô cớ tấn công bắn chìm ba tàu vận tải Việt Nam đang làm nhiệm vụ tiếp tế ở các bãi đá Len Dao, Cô Lin, Gạc Ma thuộc cụm đảo Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa của Việt Nam làm cho 64 cán bộ, chiến sỹ Hải quân Việt Nam cùng 3 tàu vận tải đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển của Tổ quốc. Các chiến sỹ Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đã anh dũng xiết chặt hàng ngũ, giữ vững lá cờ Tổ quốc biểu tượng chủ quyền của Việt Nam trên đảo cho đến giây phút cuối cùng.

Từ đó đến ngày 6-4-1988, Trung Quốc đã chiếm đóng trái phép bằng vũ lực các đảo: Đá Chữ Thập, Đá Châu Viên, Đá Ga Ven, Đá Tư Nghĩa, Đá Gạc Ma, Đá Subi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Từ đó đến nay, Trung Quốc luôn có những hoạt động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền của nước ta trên biển đông như các hoạt động thăm dò dầu khí, đầu thầu các lô dầu khí, đánh bắt cá trái phép, ra lệnh cấm đánh bắt cá, ngăn cản việc thăm dò dầu khí và các hợp tác thăm dò dầu khí .v.v.

Một số mốc cụ thể:

Tháng 6/2006, Trung Quốc cho công bố bản đồ chuẩn quốc gia (1947-1948) theo “đường lưỡi bò”.

Cuối năm 2007, Quốc Vụ Viện Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập thành phố hành chính cấp huyện Tam Sa thuộc tỉnh Hải Nam trực tiếp quản lý 03 quần đảo trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Ngày 26/5/2012, tàu Hải Giám Trung Quốc cắt cáp tàu thăm dò dầu khí Bình Minh 02 và chỉ cách mũi Đại Lãnh (tỉnh phú Yên) 116 hải lý và sự việc tàu cá vũ trang được sự hỗ trợ của 02 tàu Ngư Chính và nhiều tàu cá khác tiến hành phá rối có chủ định đối với tàu thăm dò dầu khí Việt Nam Viking II ngày 09/6 cách bờ biển Việt Nam có 120 hải lý là một bước leo thang trong âm mưu thôn tính Biển Đông.

- Gần đây là sự kiện giàn khoan 981 hạ đặt trái phép sâu trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam

+ Khái quát diễn biến tình hình

Khoảng 05 giờ 22 phút ngày 01/5/2014, cơ quan chức năng Việt Nam phát hiện Giàn khoan nước sâu Hải Dương-981 và 03 tàu dịch vụ dầu khí của Trung Quốc di chuyển từ Tây Bắc đảo Tri Tôn (thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam) xuống phía Nam. Đến 16 giờ ngày 02/5/2014, Giàn khoan Hải Dương-981 được thả trôi tại tọa độ 15⁰29'58" vĩ Bắc - 111⁰12'06" kinh Đông, phía Nam đảo Tri Tôn, sâu vào trong thềm lục địa của Việt Nam 80 hải lý, cùng 27 tàu bảo vệ của Trung Quốc.

Đến ngày 14/5, số tàu hộ tống, bảo vệ của Trung Quốc tăng lên 86 tàu, trong đó có 07 tàu quân sự. Bên cạnh đó, Trung Quốc huy động nhiều lượt máy bay trinh sát, quân sự bay sát theo dõi, uy hiếp tàu ta.

Khu vực Trung Quốc hạ đặt Giàn khoan Hải Dương-981 nằm sâu trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, thuộc khu vực phân lô dầu khí 143 của ta, cách đất liền Việt Nam 132 hải lý, cách đảo Lý Sơn 119 hải lý và cách phía Nam đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa 17 hải lý.

+ Biện pháp đấu tranh của ta trong thời gian qua

- Trên thực địa

Các cơ quan chức năng của ta đã tổ chức trực chỉ huy chặt chẽ, tăng cường nhiều tàu của lực lượng kiểm ngư, cảnh sát biển ra thực địa, kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền của ta. Lực lượng của ta đã kiên cường đấu tranh, ngăn cản việc định vị giàn khoan Hải Dương-981.

- Về ngoại giao

Ngày 05/5, Bộ Ngoại giao ta gửi Công hàm tới Bộ Ngoại giao Trung Quốc để phản đối việc làm bất hợp pháp của Trung Quốc, các hoạt động của giàn khoan và các tàu bảo vệ của Trung Quốc đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam được quy định bởi Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, vi phạm Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 (DOC), vi phạm Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, các thỏa thuận liên quan khác giữa lãnh đạo cấp cao hai nước. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc rút ngay giàn khoan và các tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 24 Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có bài phát biểu nhấn mạnh về tình hình Biển Đông, khẳng định lập trường của Việt Nam, Việt Nam cực lực phản đối các hành động xâm phạm và kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích chính đáng của mình phù hợp với luật pháp quốc tế, được Nhân dân trong nước, các nước trong khối ASEAN và các nước trên thế giới đánh giá cao và đồng tình ủng hộ.

Bộ Ngoại giao đã gặp đại diện Đại sứ quán các nước ASEAN, Nga, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, EU...tại Hà Nội để thông báo tình hình và lập trường của ta liên quan đến việc Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương-981 và các tàu hộ vệ vào hoạt động tại vùng biển của Việt Nam

+ Thái độ của Trung Quốc

Trung Quốc thể hiện lập trường ngang ngược, tráo trở cho rằng: Hoạt động của giàn khoan Hải Dương-981 nằm trong vùng lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải của quần đảo “Tây Sa” (cách Trung Quốc gọi quần đảo Hoàng Sa) là “bình thường, hợp pháp, hoàn toàn nằm trong vùng biển thuộc chủ quyền của Trung Quốc”; vu cáo các lực lượng chấp pháp của Việt Nam “hoạt động quấy nhiễu hoạt động tác nghiệp bình thường của Giàn khoan Trung Quốc thuộc khu vực chủ quyền của Trung Quốc”.

Những việc làm sai trái của Trung Quốc nhằm: *Thứ nhất*, hiện thực hóa ”đường lưỡi bò”, tạo căn cứ pháp lý và ”thực hiện quản lý” nhằm khẳng định Hoàng Sa không có tranh chấp, tiến tới thực hiện mục tiêu ”độc chiếm Biển Đông”; *Thứ hai*, tạo đột phá trong việc thăm dò, khai thác tại các vùng biển có tranh chấp trong khu vực Biển Đông, nếu hạ đặt giàn khoan khu vực này sẽ tạo tiền lệ mở rộng đặt giàn khoan ở các khu vực khác trong phạm vi ”đường lưỡi bò”; *Thứ ba*, thử phản ứng quốc tế, trong đó có Mỹ, ASEAN và các nước khác; răn đe ta trong triển khai quan hệ với Mỹ, Nhật Bản, răn đe ta không tham gia vụ kiện của Phi-lip-pin; *Thứ tư*, gây sức ép trong đàm phán về vấn đề trên biển, nhất là trong vấn đề hợp tác cùng phát triển; *Thứ năm*, chuyển quan tâm, mâu thuẫn nội bộ Trung Quốc ra bên ngoài.

+ Phản ứng quốc tế và trong nước

Liên Hợp quốc, ASEAN, Liên minh Châu Âu (EU), Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, một số nước khác và các học giả tiến bộ trên thế giới... bày tỏ quan ngại về tình hình ở Biển Đông, đồng thời kêu gọi các bên liên quan kiềm chế; đồng tình với Việt

Nam trong việc giải quyết bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế. Các tổ chức quốc tế đã lên án Trung Quốc và ủng hộ cách giải quyết hiện nay của Việt Nam.

PHẦN V

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, QUYỀN CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

5.1 Nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo:

Phương châm bảo vệ biển, đảo:

- + Bám sát luật pháp quốc tế, nhất là Luật Biển năm 1982.
- + Đấu tranh ngoại giao pháp lý là chủ yếu, đấu tranh trên thực địa, không để đối đầu trực tiếp.
- + Tăng cường dân sự hoá, thực hiện sự hiện diện để bảo vệ chủ quyền.
- + Tăng cường thực lực bảo vệ chủ quyền biển, đảo, gắn với phát triển kinh tế - xã hội biển đảo.
- + Tích cực thu thập tài liệu chứng cứ về Hoàng Sa, Trường Sa.
- + Khẩn trương xây dựng ranh giới ngoài của thềm lục địa theo Luật Biển 1982.

Một số nhiệm vụ chủ yếu trong bảo vệ chủ quyền và quyền chủ quyền biển đảo Việt Nam

Trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội trên biển và vùng ven biển. Có 4 nhiệm vụ là:

- (1). Giữ vững hòa bình, ổn định trên các vùng biển, đảo để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- (2). Duy trì hoạt động thường xuyên của các lực lượng quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế trên biển.
- (3). Ngăn chặn và đánh thắng mọi sự can thiệp vũ trang của các thế lực thù địch.
- (4). Quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường biển.

5.2. Tăng cường sức mạnh quốc phòng – an ninh trên biển

Việt Nam là một quốc gia biển nhưng còn đang trong quá trình phát triển, nền kinh tế, khoa học kỹ thuật và công nghiệp quốc phòng còn non yếu. Để bảo vệ Tổ quốc chống họa xâm lăng, người Việt Nam từ bao đời nay phải áp dụng hình thức chiến tranh nhân dân, đoàn kết toàn dân trên dưới một lòng để chiến thắng mọi loại kẻ thù xâm lược.

- *Xây dựng sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị*, của nền kinh tế, năng lực khoa học công nghệ, của đường lối đối ngoại, của nền quốc phòng toàn dân, dựa vào sức mạnh toàn dân, trước hết là nhân dân ven biển, hải đảo để tạo ra sức mạnh to lớn, đập tan ý đồ xâm lược nước ta từ hướng biển của kẻ thù.

- Tăng cường tiềm lực bảo vệ biển đảo trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hoá và khoa học giáo dục.
- Trực tiếp tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh.
- Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, tạo môi trường thuận lợi.
- Tạo lập cơ sở pháp lý bảo vệ biển, đảo.

5.3. Các lực lượng bảo vệ biển đảo của Việt Nam

Các lực lượng bảo vệ biển đảo của Việt Nam được trang bị và huấn luyện đủ để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo của Quốc gia, các lực lượng luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ Quốc. Không ngừng nâng cao chất lượng và sức mạnh tổng hợp và làm nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và các lợi ích quốc gia trên biển, đảo của Tổ quốc.

5.4. Nhiệm vụ công tác biển đảo trong thời gian tới

Trong bài phát biểu tại lễ mít tinh Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2011, tối 8/6, tại thành phố Nha Trang, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định, chúng ta cần tiếp tục thực hiện tốt 6 nhiệm vụ quan trọng sau đây:

Trước hết, cần tiếp tục khẳng định mạnh mẽ và thể hiện ý chí quyết tâm cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong việc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng chỉ rõ: giữ vững chủ quyền lãnh thổ và giữ vững hoà bình, ổn định ở Biển Đông là những vấn đề mang tính toàn cục. Việc xử lý các vấn đề nảy sinh ở Biển Đông cần đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong chính sách đối ngoại hoà bình, độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá các quan hệ quốc tế; tránh để các thế lực phản động tìm cách lợi dụng, công kích, chống phá sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, chia rẽ quan hệ quốc tế giữa nước ta với các nước có liên quan.

Sự kiện giàn khoan 981 Đảng và Nhà nước ta đưa ra chủ trương:

Thứ nhất, cần phải ứng phó một cách kiên quyết, bền bỉ, linh hoạt, tuân thủ luật pháp quốc tế, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời giữ môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước vừa duy trì được quan hệ với Trung Quốc.

Thứ hai, cần tiếp tục chủ động, kiên trì đẩy mạnh đồng bộ đấu tranh trên thực địa, đấu tranh ngoại giao, công tác thông tin tuyên truyền và đấu tranh dư luận, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong Nhân dân; đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ quốc tế đối với chủ quyền lãnh thổ của ta, lập trường chính nghĩa của ta. Trước vụ giàn khoan 981 Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã mạnh mẽ tuyên bố trước báo chí quốc tế: “*Chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo là thiêng liêng, nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để nhận lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó... Có lẽ như tất cả các nước, Việt Nam chúng tôi đang*

cân nhắc các phương án để bảo vệ mình, kể cả phương án đấu tranh pháp lý, theo luật pháp quốc tế”.

Đảng, Nhà nước ta kêu gọi nhân dân thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc phù hợp với yêu cầu của thời đại. ***Mọi người Việt Nam thể hiện tinh thần yêu nước một cách có văn hóa, bằng trái tim, trí tuệ và bản lĩnh của một dân tộc anh hùng, thể hiện bằng hành động thiết thực như: hăng hái lao động, sản xuất, trong học tập, công tác đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, động viên các lực lượng đang làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước; đồng thuận và tin tưởng vào các chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.*** Đó mới chính là cách yêu nước tốt nhất, tích cực nhất, góp phần củng cố, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cho đất nước ổn định về chính trị, phát triển về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng – an ninh, hòa hiếu trong quan hệ đối ngoại.